

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ.
2. Ông Nguyễn Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/4/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 701/TB-TA ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đàm Văn T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Kim H, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đàm Văn T trình bày:

Ông T và chị H do tự tìm hiểu quen biết nhau qua mạng xã hội nên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, tuy nhiên ông và chị H không có tổ chức lễ cưới cũng như không có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau như vợ chồng ông và chị H có 01 con chung là cháu Đàm Ngọc G, sinh ngày 09/6/2019, hiện nay cháu G đang sống chung với bà Nguyễn Thị B là bà ngoại của cháu. Sau đó, chị H tự ý dẫn theo con bỏ nhà đi mà không rõ lý do. Nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bởi vì chị H chỉ gửi con cho bà ngoại chăm sóc mà không quan tâm chăm sóc cho cháu G, hơn nữa chị H không có đủ điều kiện để nuôi con vì chị H không có nơi ở ổn định, không có nghề nghiệp ổn định. Bản thân ông có điều kiện nuôi con tốt hơn chị H vì ông đang làm nghề buôn bán gà vịt con ở chợ G1 thuộc xã A, huyện M, thu nhập hàng tháng trung bình là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chỉ buôn bán buổi sáng, buổi chiều ở nhà làm vườn. Do đó, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu cho ông được trực tiếp nuôi cháu G thì buổi sáng ông sẽ gửi cháu G ở nhà trẻ, còn buổi chiều thì ông ở nhà chăm lo cho con, cha mẹ ruột ông đã chết, ông đã ly hôn với vợ trước, hiện tại ông sống độc thân nhưng có nhà ở ổn định trên phần đất của mẹ ruột ông là bà Nguyễn Thị L. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Hồ Thị Kim H1 trình bày: chị H và ông Đàm Văn T do tự tìm hiểu quen biết nhau qua mạng xã hội nên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, tuy nhiên chị và ông T không có tổ chức lễ cưới cũng như không có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do lúc đó chị chưa đủ 18 tuổi. Sau đó, chị mang thai cháu Đàm Ngọc G (sinh ngày 09/6/2019) nên sinh sống cùng mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B ở ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Cho đến khi cháu G được 11 tháng tuổi thì ông T có rước chị và cháu G về nhà anh T sinh sống ở ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, sinh sống được khoảng gần 01 năm 06 tháng. Trong thời gian sống chung như vợ chồng, ông T thường hay nhậu say kiểm chuyện vô cớ rồi đánh đập chị. Do đó, chị mới dẫn theo con là cháu G bỏ đi khỏi nhà ông T, vì bận việc đi làm thuê cho người khác ở khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre nên chị đã gửi cháu G cho mẹ ruột là bà B trông nom, chăm sóc thay chị, thời gian tới chị sẽ rước cháu G về quê để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đang làm thuê với công việc là giúp việc nhà và phụ việc buôn bán quán Bê thui Xịn Sò của chị Trần Thị Mỹ Á ở khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre với mức thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) nên có đủ điều kiện để nuôi con. Thời gian khoảng nửa tháng nay chị Á về thăm quê nên chị đã dẫn con về nhà cha ruột là ông Hồ Văn C ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để sinh sống và buôn bán vé số, thời gian sau

nửa tháng chị sẽ trở lại tiếp tục làm thuê cho chị A. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được quyền nuôi con chung là cháu G thì chị không đồng ý, chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con hoặc chị có thể chở con về nhà ông T nếu ông T có đề nghị rước con về nhà chơi. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đàm Văn T và chị Hồ Thị Kim H; về con chung: chị Hồ Thị Kim H được trực tiếp nuôi con là cháu Đàm Ngọc G, sinh ngày 09/6/2019, ông Đàm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Đàm Văn T và chị Hồ Thị Kim H trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019 nhưng ông T và chị H không có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: ông T và chị H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông T và chị H không tuân thủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên không được xem là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông T và chị H là vợ chồng là phù hợp.

[2] Về con chung: ông T và chị H có 01 con chung là cháu Đàm Ngọc G, sinh ngày 09/6/2019. Cả chị H và ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào lời khai của chị H và ông T có cơ sở xác định: từ thời điểm đầu năm 2022, chị H và ông T đã không còn chung sống với nhau, thời điểm này cháu G đã sống chung với chị H, sau đó chị H có gửi cháu G cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B trông nom, chăm sóc, hiện tại thì cháu G đang sống chung với chị H tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre là nhà của cha ruột chị H. Mặt khác, theo lời

khai của ông T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: cha mẹ ruột ông đã chết, ông đã ly hôn với vợ trước, hiện tại ông sống độc thân. Ngoài ra, căn cứ vào các tài liệu do chị H cung cấp là “Giấy xin xác nhận” đề ngày 28/12/2022 của chị Trần Thị Mỹ Á xác nhận chị H làm thuê cho chị Á với mức thu nhập là 8.000.000 đồng/tháng. Do đó, có căn cứ xác định chị H có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn ông T. Hơn nữa, lý do ông T không đồng ý cho chị H được trực tiếp nuôi con là vì ông cho rằng chị H không có đủ điều kiện để nuôi con do chị H không có nơi ở ổn định, không có nghề nghiệp ổn định là không có căn cứ để chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đã khẳng định cho ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con hoặc chị có thể chở con về nhà ông T nếu ông T có đề nghị rước con về nhà chơi. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại cháu Đàm Ngọc G, sinh ngày 09/6/2019 vẫn còn nhỏ, là phái nữ, cần có sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu G như: các điều kiện đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và sự phát triển tốt về tinh thần cho cháu G, tránh gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu G nên Hội đồng xét xử giao cháu G cho chị H được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông T và chị H đều thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông T phải chịu do ông T yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đàm Văn T và chị Hồ Thị Kim H.

Về con chung: chị Hồ Thị Kim H được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đàm Ngọc G, sinh ngày 09/6/2019, hiện đang sống chung với chị H; ông Đàm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của

Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T và chị H đều thống nhất là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đàm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000509 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc nên ông không còn phải nộp thêm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt